

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 9 - 2025

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Duy - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025; quyết định HPT số 02//2025/QĐST - HNGĐ ngày 9 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị **Vũ Thị Kim N**, sinh năm 1991.

Bị đơn: - Anh **Hà Tiến T**, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ: (Khu A, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Tiến T đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 tại: (UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là UBND phường P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại: (Khu A, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Tiến T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Vũ Ánh N1 - sinh ngày 30/9/2015. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Tiến T không đến Tòa án để trình bày quan điểm mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Như vậy anh T đã tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, do đó anh T không có bản tự khai, đồng thời Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Kim N được ly hôn anh Hà Tiến T.

- Về con chung: Giao chị Vũ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Vũ Ánh N1 - sinh ngày 30/9/2015 cho đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do anh Hà Tiến T vắng mặt không có lời trình bày nên các quan hệ trên cần tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, qua lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Vũ Thị Kim N và anh Hà Tiến T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T có nơi

cư trú tại (xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh T không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 09/9/2025, bị đơn anh Hà Tiến T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Hà Tiến T đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời chị N cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Kim N và anh Hà Tiến T đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 tại: (UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là UBND phường P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại: (Khu A, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là Khu A, phường P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Hà Tiến T. Đồng thời qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương phường P nơi vợ chồng anh chị chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, sống ly thân từ lâu, do vậy quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên đương sự. Tại biên bản lấy lời khai của bố đẻ anh T, bố đẻ anh T cho rằng vợ chồng chị N, anh T cũng đã xảy ra mâu thuẫn và chị N cũng đã chuyển ra ngoài ở. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị N và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ, không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, khó có thể hàn gắn được. Quá trình làm việc mặc dù anh T được án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, qua đó khẳng định anh T không thiết tha để hàn gắn tình cảm, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên việc chị N khởi kiện xin ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị Vũ Thị Kim N được ly hôn anh Hà Tiến T.

[3]. *Về con chung*: Chị Vũ Thị Kim N và anh Hà Tiến T có 1 con chung là Hà Vũ Ánh N1 - sinh ngày 30/9/2015. Hiện cháu đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải

cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Nguyên vọng của cháu N1 xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy nguyên vọng của cháu N1 và chị N là chính đáng, đồng thời anh T cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị N và anh. Vì vậy cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ và phù hợp. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị Vũ Thị Kim N trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các quan hệ trên có hay không. Do vậy, các quan hệ này cần được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, khoản 2 điều 81, điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Kim N

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị Kim N được ly hôn anh Hà Tiến T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Vũ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Vũ Ánh N1 - sinh ngày 30/9/2015 cho đến khi con chung thành niên. Anh Hà Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, vì chị N không yêu cầu.

Anh Hà Tiến T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị Kim N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) (do Vũ Thị L nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002788 ngày 04/6/2025 của (Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ) nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Phú Thọ. Chị Vũ Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2, Phú Thọ;
- Đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2, Phú Thọ;
- Phòng giám đốc kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án hình sự;
- UBND phường Phong Châu, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Hà